

Số: 20/2026/QĐST-DS

Hưng Yên, ngày 12 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28-5-2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 153/2025/TLST-DS ngày 15-10-2025 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành và đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày đương sự vắng mặt nhận được biên bản hòa giải thành; không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trần Tiến L, sinh năm 1952.

Địa chỉ: thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: 1. Ông Trần Tiến Đ, sinh năm 1957

2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1959

Đều ở địa chỉ: thôn B, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Tiến S, sinh năm 1948.

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1957.

Địa chỉ: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên.

3. Ông Trần Tiến N, sinh năm 1948.

Địa chỉ: thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên.

4. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

5. Ủy ban nhân dân xã L

Địa chỉ: Khu V, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy H - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H: Ông Nguyễn Thế M, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về di sản của cụ Trần Tiến K và cụ Nguyễn Thị N1

- Thừa đất số 9 tờ bản đồ số 9 (theo đo đạc năm 2008), có diện tích 263,7m² (gồm 200m² đất ở và 63,7m² đất trồng cây lâu năm);

- Diện tích 133,5m² đất ao (đã san lấp thành vườn) nằm trong thửa số 8, tờ bản đồ số 9 (theo đo đạc năm 2008).

Di sản trên tại thôn B, xã L, tỉnh Hưng Yên.

- Diện tích 600 m² ruộng cơ bản tại sù đồng Mả gạo thôn B, xã L, tỉnh Hưng Yên.

2.2. Về người thừa kế:

- Người thừa kế (thuộc hàng thừa kế thứ nhất) của cụ K gồm: ông S, bà C, ông N, ông L, ông Đ và bà L1.

- Người thừa kế (thuộc hàng thừa kế thứ nhất) của cụ N1 gồm: ông N, ông L, ông Đ và bà L1.

2.3. Về phân chia di sản:

2.3.1. Ông Trần Tiến Đ được quyền sử dụng toàn bộ di sản của cụ K và cụ N1 là quyền sử dụng đất gồm:

- Diện tích 133,5 m² đất ao (đã san lấp thành vườn) nằm trong thửa đất số 8, tờ bản đồ số 9, theo đo đạc hiện trạng năm 2008 tọa lạc tại thôn B, xã L, tỉnh Hưng Yên;

- Thửa đất số 9, tờ bản đồ số 9 diện tích là 263,7 m² (trong đó có 200 m² đất ở và 63,7 m² đất trồng cây lâu năm), theo đo đạc hiện trạng năm 2008 tọa lạc tại thôn B, xã L, tỉnh Hưng Yên (có sơ đồ kèm theo).

- 150m² ruộng cơ bản tại sù đồng M, thôn B, xã L, tỉnh Hưng Yên.

2.3.2. Ông Trần Tiến Đ có trách nhiệm giao cho ông Trần Tiến L 450 m² ruộng cơ bản tại sù đồng Mả Gạo thôn B, xã L, tỉnh Hưng Yên. Hai bên đã giao xong.

2.3.3. Ông Trần Tiến Đ có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần di sản cho ông Trần Tiến L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Hai bên đã thanh toán xong.

2.3.4. Ông Trần Tiến Đ có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần di sản cho ông Trần Tiến S số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Hai bên đã thanh toán xong.

2.3.5. Ông Trần Tiến Đ có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần di sản cho bà Trần Thị C số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng). Hai bên đã thanh toán xong.

2.3.6. Ông Trần Tiến Đ đã thanh toán xong giá trị kỷ phần di sản cho ông Trần Tiến N số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

2.3.7. Ông Trần Tiến Đ đã thanh toán xong giá trị kỷ phần di sản cho bà Trần Thị L1 số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

2.3.8. Về chi phí tố tụng: Tiền chi phí thẩm định, định giá và đo đạc di sản thừa kế, các bên đương sự đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3.9. Về án phí: Các đương sự đều là người cao tuổi nên đều được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. .

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhân

